TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-PT
Ngày: 18-7-2023
V/v Tranh chấp về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương.

Các Thẩm phán: Ông Trần Mười.

Bà Trần Thị Túc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quảng Ninh, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên Tòa: Ông Võ Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2023/TLPT-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc *"Tranh chấp về yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án số 68/2022/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2023/QĐ - PT ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Phạm Minh H, sinh năm 1948; địa chỉ: số nhà XX, xóm X, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

2. Ông Phạm N (N), sinh năm 1965; địa chỉ: số nhà XX, xóm X, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện hợp pháp của ông H, ông N: Bà Trần Thị H, sinh năm 1989; địa chỉ: xx đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Theo Văn bản ủy quyền ngày 04/8/2021).

Bị đơn:

1. Ông Phạm K; sinh năm 1946;

2. Ông Phạm C; sinh năm 1950;

3. Ông Phạm Duy C (C), sinh năm 1964;

4. Ông Phạm C;

5. Ông Phạm T, sinh năm 1944;

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 10 đường L, tổ X, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm K: Ông Trần S, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi (hoạt động tại Công ty Luật TNHH Luật V Thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh tại Quảng Ngãi); Địa chỉ: XXX N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Các ông Phạm K, ông Phạm C, ông Phạm Duy C (C) là bị đơn.

Tại phiên tòa: Bà H, Luật sư S, ông K, ông C, ông C (C) có mặt; ông T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; ông C, ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Minh H, ông Phạm N (N) và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày:

Thửa đất số 427, tờ bản đồ số 21, diện tích 770,2m^2 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc là của cha nguyên đơn là cụ Phạm C; ngày 23/5/1997 cụ C được UBND huyện S công nhận quyền sử dụng thửa đất số 196, tờ bản đồ số 4, xã T tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02276 QSDĐ/74/QĐ-UB; ngày 30/12/2017 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp đổi Giấy chứng nhận, thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, xã T; cụ C xin tách thửa đất 125, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo số CT 217524, số vào sổ CS 14306, ngày 23/9/2019. Do mẹ nguyên đơn (vợ cụ C) là cụ Trương Thị Đ đã chết nên ngày 13/11/2019, gia đình nguyên đơn (cụ C và các con) ký kết Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q chứng thực số 42 quyển số 01/2019 – SCT/HĐ,GD.

Ngày 12/12/2019, ông H và ông N (N) được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thành phố Q đăng ký chỉnh lý biến động tại trang 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 217524, số vào sổ CS 14306 với nội dung "*Thừa kế cho ông Phạm Minh H, sinh năm 1948, CMND 250959245 và ông Phạm N (N), sinh năm 1965, CMND 250851642, cùng thường trú xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Theo hồ sơ số 174142.TK001"*. Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà cấp 04 có diện tích 50m^2 do cha mẹ ông H, ông N (N) xây dựng vào năm 1960 để ở và thờ cúng tổ tiên. Hiện tại nhà đã xuống cấp nghiêm trọng, không còn giá trị sử dụng và có

nguy cơ ngã đổ gây nguy hiểm. Gia đình nguyên đơn đã xây dựng lại ngôi nhà mới kế bên để thờ phụng nên tháng 05 năm 2020, gia đình nguyên đơn thống nhất dỡ dọn ngôi nhà cũ của cha mẹ đang có nguy cơ sụp đổ và gây nguy hiểm trong quá trình quản lý, sử dụng đất. Thế nhưng, các ông Phạm K, Phạm C, Phạm Duy C (C), Phạm C, Phạm T, Phạm Văn T đã đến thửa đất số 427 xô xát, ngăn cản không cho nguyên đơn dỡ dọn ngôi nhà; đồng thời, làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã T.

Ngày 11/6/2020, Ủy ban nhân dân xã T đã tổ chức hòa giải nhưng kết quả không thành. Hiện nay, nguyên đơn không thể dỡ dọn ngôi nhà cũ đang có nguy cơ sụp đổ và không được toàn quyền quản lý sử dụng thửa đất số 427 vì các ông Phạm K, Phạm C, Phạm Duy C (C), Phạm C, Phạm T, Phạm Văn T thường xuyên phá hàng rào đi vào thửa đất số 427 và chửi bới, cản trở nguyên đơn sử dụng thửa đất, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì các lẽ trên, ông Phạm H và ông Phạm N (N) đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc: Các ông Phạm K, Phạm C, Phạm Duy C (C), Phạm C, Phạm T, Phạm Văn T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc nguyên đơn quản lý, sử dụng hợp pháp thửa đất số 427, tờ bản đồ số 21, diện tích 770,2m^2 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Trần Thị H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Phạm Văn T. Bà H không yêu Toà xem xét giải quyết buộc ông Phạm Văn T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 427, tờ bản đồ số 21, diện tích 770,2m^2 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị đơn Phạm K, Phạm C, Phạm Duy C (C), Phạm T trình bày:

Thửa đất số 427, tờ bản đồ số 21, diện tích 770,2m^2 tại T, thành phố Q là một phần trong diện tích đất có nguồn gốc của ông, bà Tộc họ Phạm để lại. Cụ Phạm C là trưởng tộc nên trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ đất ông bà để lại trong đó có thửa đất số 427, tờ bản đồ số 21, diện tích 770,2m^2 tại T, thành phố Q. Năm 1954, Tộc họ có thống nhất chia đất, trong đó chia cho ông Phạm T (cha ông Phạm C), ông Phạm S, ông Phạm T, ông Phạm C mỗi người một phần. Ngoài ra, còn có phần đất nhà thờ thì không phân chia cho ai.

Tháng 7 năm 1954, đất nước bị chia đôi, phần đất mà ông bà để lại nói trên do chính quyền Sài Gòn quản lý thì ông Phạm C cho là giấy phân chia trước đó của họ tộc là thuộc chế độ Việt Nam dân chủ cộng hòa nên không có giá trị. Vì vậy, ông C giành lại các phần đất của ông C, ông T, ông S nhập làm một và ông Phạm C quản lý toàn bộ diện tích nói trên. Hiện tại các ông được biết là ông Phạm C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 427, tờ bản đồ số 21, diện tích 770,2m^2 tại T, thành phố Q sang cho ông Phạm Minh H và ông Phạm N (N) là con của ông C. Tuy nhiên, trên đất này có nhà thờ họ và đang là nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên của dòng Tộc Phạm từ trước đến nay. Nhà này là do ông C xây dựng nhưng trên cơ sở nhà thờ cũ của ông bà để lại. Ông C là trưởng tộc nên

đứng tên quyền sử dụng đất thì các bị đơn thống nhất nhưng nay ông C đã chết, các con của ông C không sinh sống ở Quảng Ngãi nên muốn dỡ dọn nhà thờ để bán đất thì các bị đơn không đồng ý nên ngăn cản không cho vì đây là đất của Tộc họ Phạm, chỉ được sử dụng vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên chứ không được sử dụng vào mục đích khác. Vì vậy, các ông yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết giữ lại đất, nhà thờ để tộc họ Phạm có nơi thờ cúng ông bà, con cháu có nơi về sinh hoạt gia tộc, tưởng nhớ tổ tiên, gắn tình dòng họ.

Tại phiên toà, bị đơn Phạm Văn T trình bày: Ông T là con cháu của Tộc họ Phạm nên cũng có nguyện vọng là họ Tộc có nhà thờ để thờ cúng tổ tiên và con cháu có chỗ về sinh hoạt gia tộc. Tuy nhiên, ông không có tranh chấp hay cản trở gì đối với quyền sử dụng đất của nguyên đơn vì ông T chỉ là thế hệ con cháu thuộc chi phái nhỏ nên ông không có tư cách đại diện cho tộc họ để tranh chấp đất, lo việc nhà thờ.

** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Phạm C nhưng ông C không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;* không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Minh H, Phạm N (N). Buộc các bị đơn Phạm K, Phạm C, Phạm Duy C (C), Phạm C, Phạm T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 427, tờ bản đồ số 21, diện tích 770,2m^2 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của nguyên đơn Phạm Minh H, Phạm N (N).

2. Về án phí:

- Bị đơn Phạm Duy C (C) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Các bị đơn Phạm K, Phạm C, Phạm C, Phạm T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Phạm Minh H, Phạm N (N) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho nguyên đơn Phạm Minh H, Phạm N (N) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007710 ngày 07/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

Bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, ông Phạm C, ông Phạm K, ông Phạm Duy C (C) có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Không chấp nhận đơn khởi kiện của các ông Phạm Minh H, Phạm N (N); Hủy Bản án số 68/2022/DS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phạm K tại phiên tòa: Giấy phân chia vườn là một trong các loại giấy được quy định tại

Điều 15 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 nên phải xem xét đây là đất của Tộc họ Phạm; ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 427 được xây dựng nền móng bằng đá ong, nhà này là của Tộc họ Phạm dành làm nơi thờ cúng, ông Phạm C là trưởng tộc nên được giao cho đăng ký kê khai nhưng không được cho con, hiện các con ông C đang có ý định bán đất của Nhà thờ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 5/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định để xem xét vụ án này. Ông H, ông N khởi kiện liên quan đến tài sản chung của dòng họ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người trong dòng họ vào tham gia tố tụng và không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ là vi phạm tố tụng, đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phúc thẩm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự ông T, ông K, ông C, ông C (C) thực hiện đúng quy định pháp luật, còn ông C, ông T không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các ông Phạm C, Phạm K, Phạm Duy C (C).

Buộc ông Phạm Duy C (C) phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm và miễn cho ông Phạm C, Phạm K tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phạm C, ông Phạm T, được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt; ông Phạm Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Xét kháng cáo của các ông Phạm C, Phạm K, Phạm Duy C (C):

[2.1] Xét kháng cáo yêu cầu, không chấp nhận đơn khởi kiện của các ông Phạm Minh H, Phạm N (N).

[2.1.1] Ông Phạm Minh H, ông Phạm N (N) khởi kiện yêu cầu các ông Phạm C, Phạm K, Phạm Duy C (C), Phạm C, Phạm T, Phạm Văn T, chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng thửa đất số 427, tờ bản đồ số 21, diện tích

770,2m^2 tại xã T, thành phố Q của hai ông. Hội đồng xét xử thấy rằng, ngày 23/5/1997, cụ Phạm C được UBND huyện S công nhận quyền sử dụng thửa đất số 196, tờ bản đồ số 4, xã T, huyện S (nay là thành phố Q), tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02276 QSDĐ/174/QĐ-UB; cụ Phạm C xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 30/12/2017 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CK865387, thửa đất số 125, tờ bản đồ số 21, diện tích 1570,1m^2 xã T cho cụ C.

Năm 2019, cụ C yêu cầu tách thửa đất số 125 thành các thửa 426, 427, 428, 429, 430; thửa 427 có diện tích là 770,2m^2 đất, cụ C và các đồng thừa kế gồm: Phạm Thị Lộ, Phạm Minh H, Phạm N (N), Phạm Quang Vinh, Phạm Thị Ẩm, Nguyễn Hữu Sang, Nguyễn Hồng Quang đồng thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và giao cho ông Phạm Minh H, ông Phạm N (N) quyền sử dụng; Văn bản thỏa thuận được UBND xã T chứng thực ngày 13/11/2019 số chứng thực 42, quyển 01/2019-SCT/HD,GD; ngày 12/12/2019, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thành phố Q đã chỉnh lý sang tên quyền sử dụng thửa đất số 427 qua cho ông H, ông N (N) tại trang ba của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT217524, số vào sổ CS14306 ngày 23/9/2019, cơ quan cấp Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, từ ngày 12/12/2019, ông H, ông N (N) là người có quyền sử dụng thửa đất 427, tờ bản đồ số 21, xã T, thành phố Q theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Luật đất đai năm 2013 "*người sử dụng đất được thực hiện quyền khi có giấy chứng nhận…".*

[2.1.2] Tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 11/6/2020 của UBND xã T, ông Phạm K ý kiến "*Ngôi nhà này do ông Phạm C xây dựng từ trước năm 1975, từ nguồn kinh phí từ ông Phạm C bán xác nhà cũ lấy tiền để xây dựng, tộc họ chúng tôi đề nghị ông H, ông N không được tháo dỡ nhà cũ*"; ông Phạm C ý kiến "*Thửa đất này ông Phạm C đứng tên đã tách thửa cho các con ông C, tộc họ chúng tôi không đồng ý để ông H, ông N tháo dỡ ngôi nhà cũ*"; ông Phạm Duy C (C) ý kiến "*Tộc họ Phạm chúng tôi yêu cầu ông Phạm Minh H, ông Phạm N, không được tháo dỡ ngôi nhà cũ, để lại làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên, để lại di tích cho các con cháu sau này*". Tại Bản trình bày ngày 17/11/2021 (bút lục 79, 80) ông Phạm K, ông Phạm C xác nhận các ông ngăn cản không cho ông H, ông N tháo dỡ nhà trên thửa đất 427; tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/01/2022 (bút lục 77), ông Phạm K, Phạm C, Phạm Duy C (C), Phạm T, Phạm Văn T trình bày "*Năm 2019, ông C làm thủ tục chuyển nhượng đất nói trên cho hai con của ông là Phạm Minh H và Phạm N là không đúng nên chúng tôi ngăn cản không cho ông H, ông N sử dụng đất và đập phá nhà thờ*".

Tại Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, các bị đơn đều không chứng minh được quyền sử dụng thửa đất 427 là của các bị đơn, hay UBND huyện S hoặc UBND thành phố Q công nhận quyền sử thửa đất 196, tờ bản đồ số 4, xã T là đất của Tộc họ Phạm theo quy định tại khoản 5 Điều 100 Luật đất đai năm 2013. Đồng thời, các bị đơn cũng không chứng minh được ngôi nhà trên thửa

đất 427 là của các bị đơn, hay của Tộc họ Phạm bỏ tiền ra xây dựng, hoặc cụ Phạm C đã dùng số tiền bán xác nhà cũ của Tộc họ Phạm lấy tiền để xây dựng.

Các Bị đơn cho rằng, diện tích thửa đất số 196, tờ bản đồ số 4, xã T (trong đó có thửa đất số 427) là của ky Phạm Đ; cố Phạm T đã chiếm dụng toàn bộ, nên ngày 23/02/1954, các cố Phạm T, Phạm T, Phạm C, Phạm C, Phạm S, Phạm T, Bùi Thị C đã lập "*Giấy phân chia vườn*" (bút lục 71), được UBKCHC xã chứng thực. Qua xem xét "*Giấy phân chia vườn*", thấy rằng trong Giấy không có nội dung đất vườn để lại làm nhà thờ Tộc họ Phạm.

Đồng thời, qua nội dung "*Giấy phân chia vườn*", thấy trong giấy không ghi rõ mảnh vườn có địa chỉ tại đâu, thôn, xóm, huyện, tỉnh; 3 sào đất có số hiệu, tờ bản đồ số bao nhiêu để trên cơ sở đó Tòa án đối chiếu xem thửa đất số 427, tờ bản đồ số 21, xã T có đúng là một phần mảnh vườn được ghi trong giấy phân chia vườn không. Ngoài ra, theo nội dung "*Giấy phân chia vườn*" thì diện tích đất 3 sào được chia cho các cá nhân, không có nội dung nào thể hiện diện tích đất vườn (3 sào) sau khi chia, có để lại một phần dành làm nhà thờ Tộc họ Phạm, hay diện tích đất chia cho các cá nhân, các cá nhân thỏa thuận để lại làm nhà thờ Tộc họ Phạm.

Bản trình bày ngày 15/01/2021, ông Phạm C cho rằng "*...tháng 7/1954 chia đôi đất nước, chính quyền Sài Gòn quản lý ông Tòng cho rằng giấy chính quyền Việt Nam dân chủ cộng Hòa không có giá trị nên ông Tòng chiếm lấy 03 phần chia của các ông Phạm T, Phạm C, Phạm S gộp vào phần phân chia của* ông". Tại phiên tòa phúc thẩm ông C xác định các cố T, C, S không khởi kiện, khiếu nại cố Phạm T chiếm đất của các cố đến chính quyền Việt Nam cộng hòa (chính quyền cũ trước năm 1975). Sau năm 1975, các con cháu của các cố cũng không khởi kiện, hay khiếu nại cố Tòng, cụ C. Các ông Phạm C, Phạm K, Phạm Duy C (C) không phải là con cháu của cố Phạm T, Phạm C, Phạm S.

Ngoài ra, các bị đơn không chứng minh được Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CK 865387, số vào sổ CS06139 ngày 30/12/2017 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT217524, số vào sổ CS14306 ngày 23/9/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi đã bị thu hồi theo quy định tại Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, hay bị Tòa án hủy theo quy định tại Điều 34 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật tố tụng hành chính.

[2.1.3] Tại khoản 7 Điều 166 Luật đất đai năm 2013 quy định "*Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của mình*…"; khoản 1 Điều 163 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định" *Không ai có thể bị hạn chế, bị tước đoạt trái luật quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản*"; khoản 1 Điều 164 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền tự bảo vệ, ngăn chặn bất kỳ người nào có hành vi xâm phạm quyền của mình bằng những biện pháp không trái với quy định pháp luật*", việc các bị đơn không cho nguyên đơn được thực hiện quyền của người sử dụng đất là hành vi vi phạm pháp luật, nên buộc các Bị đơn phải chấm dứt hành vi trái pháp luật đối với nguyên đơn theo quy định tại Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015 "*Khi thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài*

sản, chủ thể có quyền yêu cầu người có hành vi cản trở trái pháp luật phải chấm dứt hành vi đó hoặc có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người đó chấm dứt hành vi vi phạm".

Đối với ngôi nhà trên thửa đất số 427, các ông C, K, C (C) cho rằng đây là nhà thờ Tộc họ Phạm. Nguyên đơn thì cho rằng đây là nhà của vợ chồng cụ C xây dựng. Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm các bị đơn không giao nộp được tài liệu nào để chứng minh ngôi nhà này là của các bị đơn hay sở hữu chung của dòng họ theo quy định tại khoản 1 Điều 211 Bộ luật dân sự năm 2015. Ngày 03/7/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của ông C, K, C (C). Qua xem xét thấy rằng, ngôi nhà hiện nay đã hư hỏng nặng, trong nhà không còn đồ vật gì nên không đủ cơ sở kết luận đây là nhà Thờ của Tộc họ Phạm.

Khoản 1 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định " *Bảo hộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hợp pháp của người sử dụng đất*"; Khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai năm 2013 quy định " *Được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình*". Như vậy, từ ngày 12/12/2019 (ngày Nhà nước công nhận quyền sử dụng thửa đất 427 cho ông H, ông N) khi có người xâm phạm đến quyền sử dụng đất thửa đất 427 và tài sản trên đất của ông H, ông N (N), hai ông sẽ được Nhà nước bảo vệ.

Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận nội dung kháng cáo nêu trên của các ông C, Khôi, Duy C (C).

[2.2] Xét kháng cáo của các ông Phạm C, Phạm K, Phạm Duy C (C), yêu cầu: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[2.2.1] Các ông C, K, C (C), cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm các Điều tại Chương VII Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về chứng minh chứng cứ, từ Điều 91 đến Điều 110.

Khoản 1 Điều 91 quy định "*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...*". Như vậy Nguyên đơn, Bị đơn trong vụ án phải tự mình giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Nguyên đơn ông H, ông N đã giao nộp cho Tòa án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT217524, số vào sổ CS14306 ngày 23/9/2019, cơ quan cấp Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, tại mục: Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi tên ông Phạm C, tại trang ba của Giấy chứng nhận này có nội dung: Thừa kế cho ông Phạm Minh H.., ông Phạm N.

Các Bị đơn tại Tòa án cấp sơ thẩm giao nộp tài liệu gồm; Giấy phân chia vườn (bút lục 71) bản photo; 03 sơ đồ địa chính (bút lục 225, 226, 227), bản photo; Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 11/6/2020 tại UBND xã T (bản sao có chứng thực).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm có thu thập tài liệu từ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – chi nhánh thành phố Q. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không vi phạm quy định tố tụng tại Chương VII của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2.2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các ông C, K, C (C) nêu lý do yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án vì Tòa án cấp sơ thẩm xử không đúng, nhà đất của Tộc họ Phạm nhưng lại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, ông N. Hội đồng xét xử thấy rằng, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự quy định Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nếu việc thu thập chứng cứ và chứng minh của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng, hoặc vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Do đó, lý do của bị đơn nêu ra để yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Các ông C, Khôi, C (C) nộp kèm theo Đơn kháng cáo là Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 14/11/1996 của cụ Phạm C (bản photo - bút lục 459) và cho rằng chữ "*ông bà để lại*", là căn cứ chứng minh thửa đất số 196 tờ bản đồ số 4, xã T, cụ C kê khai xin cấp giấy chứng nhận là đất của tộc họ Phạm. Thấy rằng, Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "*Di sản dùng vào việc thờ cúng*", là tài sản của người lập di chúc, trong di chúc chỉ định người quản lý di sản và di sản dành vào việc thờ cúng. Trường hợp người để lại di sản không chỉ định thì những người thừa kế cử ra quản lý và thỏa thuận dùng di sản vào việc thờ cúng, các bị đơn không giao nộp được tài liệu chứng minh kỵ Phạm Đ lập Di Chúc, để lại thửa đất 427 làm nhà thờ Tộc họ Phạm, hoặc cố T, cụ C được giao trông coi đất và nhà trên thửa đất 427.

Như đã nhận định trên, hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT217524, số vào sổ CS14306 ngày 23/9/2019, đang là quyết định hành chính có hiệu lực pháp luật. Người sử dụng thửa đất 427 hợp pháp là cụ C và cụ đã chuyển giao quyền sử dụng thửa đất cho ông H, ông N (N).

Các ông C, K, C (C), nộp kèm theo Đơn kháng cáo là "*Sổ Lương bằng*" và một số hình ảnh để cho rằng quyền sử dụng thửa đất 427 không phải là của ông Phạm Minh H, ông Phạm N (N). Hội đồng xét xử thấy rằng, "*Sổ Lương bằng*" không liên quan đến quyền được sử dụng thửa đất 427 của ông H, ông N (N), còn hình ảnh cũng không chứng minh được đây là nhà đất của các bị đơn hay của Tộc họ Phạm.

Tại phiên tòa ngày 19/6/2023, ông Phạm K nộp Đơn phản tố đề ngày 16/6/2023, căn cứ khoản 3 Điều 200, Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đơn phản tố của ông Phạm K.

[4] Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, quyết định giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

[5] Ông Phạm C, ông Phạm K, phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng ông C, ông K là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự phúc thẩm, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho hai ông.

Phạm Duy C (C) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, được khấu trừ vào số tiền ông C (C) nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004364 ngày 04/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

[6] Về chi phí tố tụng: Các ông C, K, Ch (C) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất số 427 và tài sản trên thửa đất. Do không chấp nhận kháng cáo của các ông C, K, C(C) nên các ông phải chịu chi phí tố tụng là 1.150.000 đồng.

[7] Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ là vi phạm tố tụng. Hội đồng xét xử thấy, tại Biên bản hòa giải tranh chấp và các văn bản trình bày ý kiến các bị đơn đã tự xác nhận không cho nguyên đơn tháo dỡ nhà để sử dụng thửa đất 427. Như vậy đây là hành vi trái pháp luật vì nguyên đơn được Nhà nước công nhận quyền sử dụng thửa đất 427, trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn không chứng minh được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất 427 là của các bị đơn. Đồng thời, việc xem xét thẩm định tại chỗ không quyết định thửa đất 427 là đất của Tộc họ Phạm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để đưa những người trong dòng họ Phạm vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng. Hội đồng xét xử thấy, Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về tài sản chung của dòng họ; vụ án này nguyên đơn ông H, ông N (N) xác định thửa đất 427 là tài sản của hai ông và các ông yêu cầu các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của các ông, nên vụ án này không xác định là tranh chấp tài sản chung của dòng họ.

Còn đối với yêu cầu phải áp dụng Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án, như đã nhận định tại mục [3].

Với căn cứ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm K.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, Điều 296, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 163, khoản 2 Điều 164, Điều 169, Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Khoản 7 Điều 95, Điều 166, Điều 168 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận kháng cáo của các ông Phạm C, Phạm K, Phạm Duy C (C).

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Minh H, Phạm N (N). Buộc các bị đơn Phạm K, Phạm C, Phạm Duy C (C), Phạm C, Phạm T phải chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 427, tờ bản đồ số 21, diện tích 770,2m^2 tại xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của nguyên đơn Phạm Minh H, Phạm N (N).

2. Về án phí dân sự:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Phạm Duy C (C) phải chiu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

- Các bị đơn Phạm K, Phạm C, Phạm C, Phạm T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn Phạm Minh H, Phạm N (N) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho nguyên đơn Phạm Minh H, Phạm N (N) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0007710 ngày 07/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Phạm C, ông Phạm K.

- Ông Phạm Duy C (C) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền ông C (C) nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0004364 ngày 04/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm K, Phạm C, Phạm Duy C (C) phải chịu chi phí tố tụng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.150.000 đồng *(một triệu một trăm năm mười nghìn đồng)*. Các ông đã nộp và chi phí xong.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thành phố Q;
- Chi Cục THADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương